

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 17 – 6 – 2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thanh Nhanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Thanh Chiều.

2. Bà Phạm Thị Bích Ly.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Lý A**.

Địa chỉ: Ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Chị **Sơn Thị Ngọc T**.

Địa chỉ: Ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

(Các đương sự đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 4 năm 2021 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là anh Lý A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2013, anh Lý A và chị Sơn Thị Ngọc T có tổ chức lễ cưới với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn nhiều không thể hàn gắn tình cảm. Anh với chị T không còn chung sống với nhau từ tháng 12 năm 2020 đến nay.

Nay anh không còn tình cảm vợ chồng với chị T nữa, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, nên anh Lý A yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Sơn Thị Ngọc T.

Về con chung: Anh Lý A và chị Sơn Thị Ngọc T có 02 con chung tên Lý Hoàng K, sinh ngày 30-5-2014 và Lý Thị N, sinh ngày 13-4-2016. Hiện nay cháu K và cháu N đều sống chung với chị T.

Anh Lý A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Anh Lý A không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lý A đồng ý giao cháu K cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lý A không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lý A và chị T không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 31-5-2021 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là chị Sơn Thị Ngọc T trình bày:

Chị T thống nhất với anh Lý A về quan hệ hôn nhân, về con chung, tài sản chung và nợ chung.

Chị T đồng ý ly hôn, vì chị cũng không còn tình cảm vợ chồng với anh Lý A nữa, nếu chung sống cũng không có hạnh phúc.

Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 (hai) con chung là Lý Thị N và cháu Lý Hoàng K cho đến khi con chung đủ 18 (mười tám) tuổi. Chị T không yêu cầu anh Lý A cấp dưỡng nuôi con, vì các con hiện nay đang sống chung với chị và chị có khả năng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

3. Ý kiến của con chung:

Theo biên bản ghi nhận ý kiến của con chưa thành niên ngày 31-5-2021, thì cháu Lý Hoàng K có nguyện vọng được sống chung với mẹ là chị Sơn Thị Ngọc T.

4. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung thì cho rằng có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật; về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn, do bị đơn có nơi cư trú tại ấp D, xã M, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, nên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Các đương sự đều thống nhất với nhau về thời gian đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của nguyên đơn về các vấn đề này là đúng sự thật.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp, thì anh Lý A với chị T đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền vào ngày 13-5-2013. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mời hai bên hòa giải, nhằm động viên hàn gắn tình cảm, đoàn tụ với nhau, nhưng tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn vì cho rằng vợ chồng mâu thuẫn và thường xuyên cãi nhau, anh, chị không còn tình cảm với nhau nữa, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc nên anh, chị đều yêu cầu được ly hôn; anh, chị cũng không còn chung sống với nhau. Điều này thể hiện anh, chị đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, đó là không thương yêu và tôn trọng, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, từ đó làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, nếu tiếp tục cuộc sống hôn nhân này thì mục đích của hôn nhân cũng không đạt được. Theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lý A, cho anh ly hôn với chị T.

[2.2] Về con chung:

Anh Lý A và chị T có 02 (hai) người con chung là cháu Lý Thị N, sinh ngày 13-4-2016 và Lý Hoàng K, sinh ngày 30-5-2014, đang sống chung với chị T. Cháu K có nguyện vọng được sống chung với chị T; tuy cháu N chưa đủ 07 tuổi, nhưng Tòa án cũng ghi nhận ý kiến của cháu để xem xét yêu cầu của các đương sự một cách toàn diện, khách quan nhất, theo biên bản ngày 31-5-2021, thì cháu N có ý kiến là muốn sống chung với mẹ là chị T. Nhằm ổn định cuộc sống

của các cháu, căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con, đồng thời cũng xem xét đối với điều kiện về giáo dục cháu N, nên giao cháu K và cháu N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu theo quy định của khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về quyền, nghĩa vụ đối với con chung: Anh Lý A không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi dưỡng; Anh Lý A cũng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; nên anh Lý A không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất với nhau là không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Do đó, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, là có căn cứ và đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Anh Lý A là nguyên đơn lẽ ra phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn, nhưng anh Lý A là dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí sơ thẩm nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 1 và 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lý A được ly hôn với chị Sơn Thị Ngọc T.
2. Về con chung:

Giao cháu Lý Thị N, sinh ngày 13 tháng 4 năm 2016 và Lý Hoàng K, sinh ngày 30 tháng 5 năm 2014 cho chị Sơn Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 (mười tám) tuổi.

Anh Lý A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lý A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về nợ chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất với nhau là không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Lý A là dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí sơ thẩm nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, (khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- UBND xã M, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, (khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Cao Thanh Nhanh